

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỒNG XUÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25/01/2022

V/v: “Yêu cầu không công  
nhận vợ chồng”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Vĩnh Long

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Ngọc Anh

2. Bà Nguyễn Thị Kiều Linh

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Trang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thu Ba – Kiểm sát viên.

Vào hồi 7 giờ 30 phút ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án Nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 112/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về việc “Yêu cầu không công nhận vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Mang Minh M, sinh năm 1972

Trú tại: Thôn D, xã L, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

**\* Bị đơn:** Bà Mang Thị C, sinh năm 1980

Trú tại: Thôn D, xã L, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và lời trình bày của nguyên đơn ông Mang Minh M tại phiên tòa như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Mang Thị C có tình cảm với nhau được một thời gian, đến năm 1999 thì chúng tôi T nguyện về sống chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Lý do không đăng ký kết hôn vì chúng tôi không hiểu biết pháp luật. Sau khi về sống chung với nhau, cuộc sống chung giữa tôi và bà C hạnh phúc trong 02 năm đầu, cho đến năm 2001 tôi và bà C xảy ra mâu thuẫn, bất đồng không thể hòa hợp được nên tôi ra đi không sống chung với bà C từ đó cho đến nay. Khi tôi ra đi bà C đang mang thai đứa con thứ hai. Nhưng vì vợ chồng sống không hòa hợp, thường xảy ra mâu thuẫn nên tôi và bà C không thể hàn gắn được. Từ khi xa nhau đến nay đã 20 năm nhưng hai bên không ai qua lại và có trách nhiệm gì với nhau. Hai con do bà C T chăm sóc nuôi dưỡng. Vì chúng tôi không còn sống chung với nhau đã 20 năm, tình cảm không còn nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa tôi và bà C.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung tôi và bà C có 02 con chung tên Mang T, sinh năm 2000 và Mang Thị S, sinh năm 2001. Hai con hiện đã trưởng thành và T lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Giữa tôi và bà C không có tài sản chung, nợ chung. Do vậy tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* *Tại biên bản lấy lời khai và lời trình bày của bị đơn bà Mang Thị C tại phiên tòa như sau:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Mang Minh M có thời gian tìm hiểu với nhau đến năm 1999 chúng tôi T nguyện về sống chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Lý do không đăng ký kết hôn vì chúng tôi không hiểu biết pháp luật. Sau khi về sống chung với nhau, cuộc sống chung giữa tôi và ông M hạnh phúc trong 02 năm đầu, cho đến năm 2001 tôi mang thai đứa con thứ hai thì giữa chúng tôi phát sinh mâu thuẫn. Ông M bỏ về nhà cha mẹ ở, bỏ lại tôi một mình nuôi con nhỏ và đang mang thai đứa con thứ hai. Từ khi xa nhau cho đến nay, hai bên không ai qua lại và có trách nhiệm gì với nhau. Hôm nay, ông M có yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa tôi và ông M, tôi cũng thống nhất.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung tôi và ông M có 02 con chung tên Mang T, sinh năm 2000 và Mang Thị S, sinh năm 2001. Hai con hiện đã trưởng thành và T lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Giữa tôi và ông M không có tài sản chung, nợ chung. Do vậy tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* *Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Mang Minh M. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Mang Minh M và bà Mang Thị C.

+ Về con chung: Ông M và bà C có 02 con chung hiện đã trưởng thành và không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự nên cả hai không yêu cầu giải quyết. Do vậy không xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các bên xác định không có tài sản chung, nợ chung, nên không xem xét.

+ Về án phí: Ông Mang Minh M phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn) án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Ông Mang Minh M có đơn yêu cầu giải quyết không công nhận vợ chồng với bà Mang Thị C; Ông M và bà C cùng trú tại thôn D, xã L, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên nên theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án do Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Mang Minh M và bà Mang Thị C T nguyện về sống chung với nhau vào năm 1999, nhưng hai người không có đăng ký kết hôn. Sau khi về sống chung với nhau cuộc sống chung giữa ông M và bà C có hạnh phúc trong 02 năm đầu, sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2001, khi bà C đang mang thai đứa con thứ hai thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, không thể nào hàn gắn được. Ông M và bà C không còn sống chung từ năm 2001 cho đến nay. Hôm nay, ông M và bà C đều yêu cầu Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai người. Xét thấy, giữa ông M và bà C sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1999 cho đến năm 2001, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nhưng cả hai không có đăng ký kết hôn nên được xác định là hôn nhân không hợp pháp. Kết quả xác minh tại UBND xã L cung cấp thì từ năm 1999 cho đến nay ông M và bà C không có đăng ký kết hôn tại UBND xã. Do vậy, áp dụng khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/NQ-2000/QH-10 ngày 09/6/2000; Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết không công nhận ông Mang Minh M và bà Mang Thị C là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Ông Mang Minh M và bà Mang Thị C có 02 con chung đã trưởng thành và không bị hạn chế về sức khỏe và năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Mang Minh M và bà Mang Thị C xác định không có nên không yêu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Ông Mang Minh M phải chịu án phí HNGĐ - ST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Mang Minh M. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Mang Minh M và bà Mang Thị C.

- **Về án phí HNGĐ-ST:** Ông Mang Minh M phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn) án phí HNGĐ-ST nhưng được trừ vào số tiền ông M đã nộp

tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) theo biên lai số 000058 ngày 06/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

- *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*

**Nơi nhận**

- Đương sự;
- VKSND huyện Đồng Xuân;
- UBND xã L, Đồng Xuân;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

*Trần Vĩnh Long*